47. TƯƠNG ƯNG NIỆM XỨ
(*SATIPAṬṬHĀNASAṂYUTTA*)

I. PHẨM AMBAPĀLI (*AMBAPĀLIVAGGA*)

I. KINH AMBAPĀLI (*Ambapālisutta*)[1] (*S.* V. 141)

367. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại rừng Ambapāli.

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Có con đường độc nhất,[2] này các Tỷ-kheo, khiến cho các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt qua được sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm... trú, quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Có con đường độc nhất này, này các Tỷ-kheo, khiến cho các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt qua được sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn. Con đường ấy tức là bốn niệm xứ.

Thế Tôn thuyết như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn nói.

II. KINH CHÁNH NIỆM (*Satisutta*)[3] (*S.* V. 142)

368. Một thời, Thế Tôn ở Vesāli, tại rừng Ambapāli.

Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

– Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải trú chánh niệm, tỉnh giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm? Ở đây, này các

---

[1] Xem *D.* II. 94. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.622. 0174a02).

[2] *SA.* III. 177: *Ekāyano* = *Ekamaggo*. Xem *D.* III. 221; *M.* I. 55, 74.

[3] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.607. 0171a09) .

Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tỉnh giác? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn tới, khi nhìn lui đều tỉnh giác; khi co cánh tay, duỗi cánh tay đều tỉnh giác; khi đắp y Tăng-già-lê, khi mang y bát đều tỉnh giác; khi ăn uống, nhai nếm đều tỉnh giác; khi đi tiểu tiện, đại tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng đều tỉnh giác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tỉnh giác.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải trú chánh niệm, tỉnh giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

III. KINH VỊ TỶ-KHEO (*Bhikkhusutta*)[4] (*S.* V. 142)

369. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con! Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Và như vậy, có thể có những người ngu si thẩm tra con; sau khi con nói pháp cho họ, họ nghĩ rằng đi theo con sẽ có lợi ích cho họ. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con. Thiện Thệ hãy thuyết pháp vắn tắt cho con. Chắc chắn con có thể hiểu lời Thế Tôn thuyết. Chắc chắn con có thể trở thành người thừa tự lời Thế Tôn dạy.

– Vậy này Tỷ-kheo, ông phải gột sạch cơ bản về các thiện pháp. Và thế nào là cơ bản về các thiện pháp? Chính là giới khéo thanh tịnh và tri kiến chánh trực. Này Tỷ-kheo, khi nào ông được giới khéo thanh tịnh và tri kiến chánh trực, này Tỷ-kheo, ông hãy y cứ trên giới, an trú trên giới, tu tập bốn niệm xứ theo ba cách. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Tỷ-kheo, ông hãy trú, quán thân trên nội thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; hay ông hãy trú, quán thân trên ngoại thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; hay ông hãy trú, quán thân trên nội ngoại thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Hay ông hãy trú, quán thọ trên các nội thọ... Hay ông hãy trú, quán tâm trên các nội tâm... Hay ông hãy trú, quán pháp trên các nội pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; hay ông hãy trú, quán pháp trên các ngoại pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; hay ông hãy trú, quán pháp trên các nội ngoại pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

---

[4] Tham chiếu: *Uất-già-chi-la kinh* 郁伽支羅經 (*T.*01. 0026.76. 0543c01).

Này Tỷ-kheo, khi nào ông y cứ trên giới, an trú trên giới và tu tập bốn niệm xứ theo ba cách như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo, hoặc đêm hay ngày, chờ đợi là tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải là tổn giảm.

Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà một thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, chính là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh; ngay trong hiện tại, vị ấy tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

IV. KINH SĀLĀ (*Sālasutta*)[5] (*S.* V. 144)

370. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Kosala, tại một làng Bà-la-môn tên là Sālā.

Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

Thế Tôn nói như sau:

– Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, mới tu, xuất gia chẳng bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này; những Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, cần phải được khích lệ (*samādapetabbā*), cần phải được hướng dẫn, cần phải được an trú, tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

"Hãy đến, này chư Hiền, hãy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, để có chánh trí như thật đối với thân. Hãy trú, quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm để có chánh trí như thật đối với các thọ. Hãy trú, quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, để có chánh trí như thật đối với tâm. Hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, để có chánh trí như thật đối với các pháp."

Này các Tỷ-kheo, có những Tỷ-kheo Hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. Các vị ấy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm để liễu tri về thân. Các vị ấy trú, quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm để liễu tri về thọ. Các vị ấy trú, quán tâm trên tâm... để liễu tri về tâm. Các vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm để liễu tri về các pháp.

[5] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.621. 0173c12).

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí, giải thoát; các vị ấy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, ly hệ phược đối với thân. Các vị ấy trú, quán thọ trên các thọ... Các vị ấy trú, quán tâm trên tâm... Các vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, ly hệ phược đối với các pháp.

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào mới tu, xuất gia chẳng bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này; những vị ấy, này các Tỷ-kheo, cần phải được khích lệ, cần phải được hướng dẫn, cần phải được an trú, tu tập bốn niệm xứ này.

V. KINH ĐỐNG BẤT THIỆN (*Akusalarāsisutta*)[6] (*S.* V. 145)

371. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ở đấy, Thế Tôn nói như sau:

– Đống bất thiện, này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói là năm triền cái, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đống bất thiện, này các Tỷ-kheo, tức là năm triền cái. Thế nào là năm?

Dục tham triền cái, sân triền cái, hôn trầm thụy miên triền cái, trạo hối triền cái, nghi hoặc triền cái. Đống bất thiện này, này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói là năm triền cái, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đống bất thiện này, này các Tỷ-kheo, tức là năm triền cái.

Đống thiện, này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói là bốn niệm xứ, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đống thiện, này các Tỷ-kheo, tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Đống thiện này, này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói là bốn niệm xứ, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đống thiện này, này các Tỷ-kheo, tức là bốn niệm xứ.

VI. KINH CON CHIM ƯNG (*Sakuṇagghisutta*)[7] (*S.* V. 146)

372. – Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, một con chim ưng mái thình lình vồ xuống và chụp lấy một con chim cút.

Rồi này các Tỷ-kheo, con chim cút bị con chim ưng mái bắt, than khóc như sau:

– Như thế này, thật bất hạnh cho tôi! Thật thiếu công đức cho tôi! Vì rằng tôi đã đi không phải chỗ hành xứ của mình, đi vào cảnh giới của người khác.

---

[6] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.611. 0171b24); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.725. 0195b01).

[7] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.617. 0172c24).

Nếu tôi đi trong chỗ hành xứ của tôi, trong cảnh giới của cha mẹ tôi, thời con chim ưng này không thể hơn tôi, nếu phải đánh nhau.

– Này chim cút, thế nào là chỗ hành xứ của ngươi, thế nào là cảnh giới của cha mẹ ngươi?

– Là vạt đất được lưỡi cày xới lên.

Rồi này các Tỷ-kheo, con chim ưng mái không có siết mạnh sức mạnh của mình (*apatthaddhā*), không có bóp chặt sức mạnh của mình, thả con chim cút rồi nói:

– Hãy đi, này chim cút. Sau khi đi tại chỗ ấy, ta sẽ không thả ngươi.

Rồi này các Tỷ-kheo, con chim cút đi đến vạt đất được lưỡi cày xới lên, leo lên một hòn đất lớn, đứng trên ấy và nói với con chim ưng:

– Này, hãy đến ta, chim ưng! Này, hãy đến ta, này chim ưng!

Rồi này các Tỷ-kheo, con chim ưng mái siết mạnh sức mạnh của mình, bóp chặt sức mạnh của mình, xếp cả hai cánh, thình lình vồ lấy con chim cút. Này các Tỷ-kheo, khi con chim cút biết được: "Con chim ưng này đang vồ mạnh xuống ta", liền nấp sau hòn đất ấy. Này các Tỷ-kheo, ở đây, con chim ưng bị bể ngực.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với ai đi tới chỗ không phải hành xứ của mình, đi đến cảnh giới của người khác. Do vậy, này các Tỷ-kheo, chớ có đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của người khác. Này các Tỷ-kheo, đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, đi đến cảnh giới của người khác, thời Ác ma nắm được cơ hội, Ác ma nắm được đối tượng.

Này các Tỷ-kheo, chỗ nào không phải hành xứ của Tỷ-kheo? Chỗ nào là cảnh giới của người khác? Chính là năm dục công đức. Thế nào là năm?

Có các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Có các tiếng do tai nhận thức... Có các hương do mũi nhận thức... Có các vị do lưỡi nhận thức... Có các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đây là chỗ không phải hành xứ của Tỷ-kheo, chỗ cảnh giới của người khác.

Này các Tỷ-kheo, hãy đi đến chỗ hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình. Này các Tỷ-kheo, đi đến chỗ hành xứ của mình, đến cảnh giới của cha mẹ mình, thời Ác ma không nắm được cơ hội, không nắm được đối tượng.

Và này các Tỷ-kheo, chỗ nào là chỗ hành xứ của Tỷ-kheo? Chỗ nào là cảnh giới của cha mẹ mình? Chính là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây là chỗ hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình.

VII. KINH CON VƯỢN (*Makkaṭasutta*)[8] (*S.* V. 148)

373. Này các Tỷ-kheo, tại vua Tuyết sơn có khoảnh đất gồ ghề, không bằng phẳng, chỗ ấy không có các loài vượn, loài người qua lại.

Này các Tỷ-kheo, tại vua Tuyết sơn có những khoảnh đất gồ ghề, không bằng phẳng, chỗ ấy chỉ có loài vượn qua lại, không có loài người.

Tại vua Tuyết sơn, có những khoảnh đất bằng phẳng, khả ái. Tại chỗ ấy có các loài vượn và loài người qua lại. Tại đấy, này các Tỷ-kheo, những người thợ săn đặt các bẫy nhựa (*lepa*) trên những con đường có vượn qua lại để bắt các con vượn. Ở đây, này các Tỷ-kheo, những con vượn nào tánh không ngu si, không tham ăn, thấy bẫy nhựa ấy liền tránh xa; còn con vượn nào tánh ngu si, tham ăn, thấy bẫy nhựa ấy, thò tay nắm lấy và bị dính vào đấy. "Ta sẽ gỡ bàn tay ra", nó thò bàn tay thứ hai nắm lấy và bị dính ở đấy. "Ta sẽ gỡ hai tay ra", nó giơ chân nắm lấy và bị dính ở đấy. "Ta sẽ gỡ hai bàn tay và bàn chân ra", nó giơ bàn chân thứ hai nắm lấy và bị dính ở đấy. "Ta sẽ gỡ cả hai tay và hai chân", nó dùng miệng ngậm lấy và bị mắc dính ở đấy.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, con vượn bị bắt năm chỗ, liền rên la nằm xuống, rơi vào bất hạnh, rơi vào khổ não, bị người thợ săn muốn làm gì thì làm. Này các Tỷ-kheo, người thợ săn đâm chết nó, nướng nó trên đống than củi, và ra đi theo sở thích của mình.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, là người đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của người khác. Này các Tỷ-kheo, đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của người khác, Ác ma nắm được cơ hội, Ác ma nắm được đối tượng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không phải chỗ hành xứ của Tỷ-kheo, chỗ cảnh giới của người khác? Tức là năm dục công đức. Thế nào là năm?

Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đây không phải là chỗ hành xứ của Tỷ-kheo, là chỗ cảnh giới của người khác.

Này các Tỷ-kheo, hãy đi đến chỗ hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình. Này các Tỷ-kheo, đi đến chỗ hành xứ của mình, đến chỗ cảnh giới của cha mẹ mình, Ác ma không nắm được cơ hội, Ác ma không nắm được đối tượng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành xứ của Tỷ-kheo, là cảnh giới của cha mẹ mình? Tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây là chỗ hành xứ của Tỷ-kheo, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình.

---

[8] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.620. 0173b20).

VIII. KINH NGƯỜI ĐẦU BẾP (*Sūdasutta*)[9] (*S.* V. 149)

374. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đầu bếp ngu si, không thông minh, không khéo léo, được giao lo liệu các thứ súp sai khác cho vua hay cho các đại thần của vua, như súp chua, đắng, cay, ngọt, vị kiềm (*khārikehi*), không phải vị kiềm (*akhārikehi*), vị mặn, không phải vị mặn.

Này các Tỷ-kheo, người đầu bếp ngu si, không thông minh, không khéo léo ấy không nắm được sở thích về việc ăn uống của người chủ mình (*bhattu*): "Hôm nay, chủ ta thích món súp này", hay: "Món súp này chủ ta lấy ăn", hay: "Món súp này chủ ta dùng nhiều", hay: "Chủ ta tán thán món súp này." "Hôm nay, chủ ta thích món súp chua này", hay: "Món súp chua này chủ ta lấy ăn", hay: "Món súp chua này, chủ ta dùng nhiều", hay: "Chủ ta tán thán món súp chua này." "Hôm nay, chủ ta thích món súp đắng này",... hay: "Hôm nay, chủ ta thích món súp cay này",... hay: "Hôm nay, chủ ta thích món súp ngọt này",... hay: "Hôm nay, chủ ta thích món súp vị kiềm này",... hay: "Hôm nay, chủ ta thích món súp không phải vị kiềm này",... hay: "Hôm nay, chủ ta thích món súp mặn này",... hay: "Hôm nay, chủ ta thích món súp không mặn này", hay: "Món súp không mặn này chủ ta lấy ăn", hay: "Món súp không mặn này chủ ta dùng nhiều", hay: "Chủ ta tán thán món súp không mặn này."

Và này các Tỷ-kheo, người đầu bếp ngu si, không thông minh, không khéo léo ấy, không nhận được đồ mặc, không nhận được lương bổng, không nhận được tiền thưởng. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, kẻ đầu bếp ngu si, không thông minh, không khéo léo ấy, không nắm được sở thích về việc ăn uống của người chủ mình.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có Tỷ-kheo ngu si, không thông minh, không khéo léo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; dầu vị ấy trú, quán thân trên thân, nhưng tâm không định tĩnh, các phiền não[10] không được đoạn tận, vị ấy không học được tướng ấy... quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; dầu vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, nhưng tâm không định tĩnh, các phiền não không được đoạn tận, vị ấy không học được tướng ấy.[11]

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngu si, không thông minh, không khéo léo ấy, không được lạc trú ngay trong hiện tại, không được tỉnh giác. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngu si, không thông minh, không khéo léo ấy, không học được tướng tâm của mình.

– Ví như, này các Tỷ-kheo, có người đầu bếp có trí, thông minh, khéo léo,

---

[9] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.616. 0172b23).

[10] *SA.* III. 202: Năm triền cái.

[11] *SA.* III. 202: Vị ấy không ghi nhận được sự tiến triển hay các giai đoạn thực tập đề mục thiền tập (*kammaṭṭhāna*) của mình.

được giao lo liệu các thứ súp sai khác cho vua hay cho các đại thần của vua, như súp chua, đắng, cay, ngọt, vị kiềm, không phải vị kiềm, vị mặn, không phải vị mặn. Này các Tỷ-kheo, người đầu bếp có trí, thông minh, khéo léo ấy nắm được sở thích về việc ăn uống của người chủ mình: "Hôm nay, chủ ta thích món súp này", hay: "Món súp này chủ ta lấy ăn", hay: "Món súp này chủ ta dùng nhiều", hay: "Món súp này chủ ta tán thán." Hay: "Hôm nay, chủ ta thích món súp chua này", hay: "Món súp chua này chủ ta lấy ăn", hay: "Món súp chua này chủ ta dùng nhiều", hay: "Món súp chua này chủ ta tán thán." "Hôm nay, chủ ta thích món súp đắng này",... "Hôm nay, chủ ta thích món súp cay này",... "Hôm nay, chủ ta thích món súp ngọt này",... "Hôm nay, chủ ta thích món súp vị kiềm này",... "Hôm nay, chủ ta thích món súp không phải vị kiềm này",... "Hôm nay, chủ ta thích món súp vị mặn này",... "Hôm nay, chủ ta thích món súp không mặn này", hay: "Món súp không mặn này chủ ta lấy ăn", hay: "Món súp không mặn này chủ ta dùng nhiều", hay: "Món súp không mặn này chủ ta tán thán."

Này các Tỷ-kheo, người đầu bếp có trí, thông minh, khéo léo ấy, nhận được đồ mặc, nhận được lương bổng, nhận được tiền thưởng. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, người đầu bếp có trí, thông minh, khéo léo ấy, nắm được sở thích về việc ăn uống của người chủ mình.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có Tỷ-kheo có trí, thông minh, khéo léo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; do vị ấy trú, quán thân trên thân, tâm được định tĩnh, các phiền não được đoạn tận, vị ấy học được tướng ấy... quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; do vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, tâm được định tĩnh, các phiền não được đoạn tận, vị ấy học được tướng ấy.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có trí, thông minh, khéo léo ấy, ngay trong hiện tại chứng được lạc trú, chứng được chánh niệm tỉnh giác. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có trí, thông minh, khéo léo ấy, học được tướng tâm của mình.

IX. KINH BỆNH (*Gilānasutta*)[12] (*S.* V. 152)

375. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại làng Beluva. Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Hãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy an cư vào mùa mưa xung quanh Vesāli, chỗ nào có bạn bè, có người quen biết (*sandiṭṭha*), có người thân thiết (*sambhatta*). Ở đây, Ta sẽ an cư mùa mưa tại làng Beluva này.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, an cư mùa mưa xung quanh Vesāli, tại

[12] Tham chiếu: *Du hành kinh* 遊行經 (*T.*01. 0001.02. 0011a07).

chỗ có bạn bè, có người quen biết, có người thân thiết. Còn Thế Tôn thời an cư mùa mưa tại làng Beluva.

Trong khi Thế Tôn an cư mùa mưa, một cơn bệnh trầm trọng khởi lên, những cảm thọ khốc liệt gần như chết tiếp diễn. Ở đây, Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, không có than vãn.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Thật không tương xứng đối với Ta, nếu Ta không báo trước các vị ủng hộ Ta và không từ giã chúng Tỷ-kheo mà nhập Niết-bàn. Vậy Ta hãy tinh tấn nhiếp phục trọng bệnh này, lưu giữ mạng hành (*jīvitasaṅkhāra*) và sống." Rồi Thế Tôn với sức tinh tấn nhiếp phục trọng bệnh ấy, lưu giữ mạng hành và sống.

Rồi Thế Tôn thoát khỏi cơn bệnh; thoát khỏi cơn bệnh không bao lâu, Ngài đi ra khỏi nhà bệnh, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, trong bóng mát, sau lưng ngôi nhà.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con thấy Thế Tôn kham nhẫn! Bạch Thế Tôn, con thấy Thế Tôn chịu đựng! Bạch Thế Tôn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy, mắt con mờ mịt không thấy rõ phương hướng. Pháp không được tỏ rõ cho con vì Thế Tôn bị bệnh. Nhưng bạch Thế Tôn, con được chút an ủi rằng Thế Tôn sẽ không diệt độ nếu Ngài không có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo.

– Này Ānanda, chúng Tỷ-kheo còn mong mỏi gì nữa ở nơi Ta. Này Ānanda, Ta giảng pháp không có phân biệt trong ngoài. Vì rằng, này Ānanda, đối với các pháp, Như Lai không bao giờ là vị Đạo sư còn nắm tay. Này Ānanda, những ai nghĩ rằng Ta sẽ là vị dẫn đầu chúng Tỷ-kheo, hay chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta, thời này Ānanda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo. Này Ānanda, Như Lai không có nghĩ rằng: "Ta sẽ là vị dẫn đầu chúng Tỷ-kheo", hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta", thời này Ānanda, làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo?

Này Ānanda, Ta nay đã già, bậc Trưởng thượng, bậc Trưởng lão, đã đạt đến đoạn cuối của đời, đã đến tám mươi tuổi. Này Ānanda, như cỗ xe đã già mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ dây thừng chằng chịt. Cũng vậy, thân Như Lai được duy trì sự sống giống như chính nhờ dây thừng chằng chịt.

Này Ānanda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ, chứng và an trú vô tướng tâm định, chính khi ấy, thân Như Lai được thoải mái. Vậy này Ānanda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một điều gì khác. Và này Ānanda, thế nào là Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác?

Này Ānanda, ở đây, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này Ānanda, như vậy là Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác.

Này Ānanda, những ai hiện nay hoặc sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một điều gì khác; những vị ấy, này Ānanda, là những vị tối thượng[13] trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.

X. KINH TRÚ XỨ TỶ-KHEO-NI (*Bhikkhunupassayasutta*)[14] (*S.* V. 154)

376. Rồi Tôn giả Ānanda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

Rồi một số đông Tỷ-kheo-ni đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo-ni ấy thưa với Tôn giả Ānanda:

– Ở đây, bạch Thượng tọa Ānanda, một số đông Tỷ-kheo-ni sống khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, đạt được sự rõ biết (*sampajānantīti*) quảng đại, trước sau thù thắng.[15]

– Như vậy là phải, này các đại tỷ! Như vậy là phải, này các đại tỷ! Này các đại tỷ, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trong bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng.

Rồi Tôn giả Ānanda với bài pháp thoại, sau khi tuyên thuyết cho các Tỷ-kheo-ni ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Tôn giả Ānanda sau khi đi khất thực ở Sāvatthi, sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni; sau khi đến, con ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi bạch Thế Tôn, một số đông Tỷ-kheo-ni đi đến con; sau khi đến, đảnh lễ con rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo-ni ấy thưa với con: "Ở đây, bạch Thượng tọa Ānanda, một số đông Tỷ-kheo-ni sống khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng." Khi được nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với các Tỷ-kheo-ni ấy: "Như vậy là phải,

[13] *Tamatagge. SA.* III. 204 viết *tamaagge*, trạng thái cao vượt, chỉ cho quả vị A-la-hán.
[14] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.615. 0172a26).
[15] Tiếp tục tiến triển dần, càng trở nên thù thắng.

này các đại tỷ! Như vậy là phải, này các đại tỷ! Này các đại tỷ, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trong bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng."

– Như vậy là phải, này Ānanda! Như vậy là phải, này Ānanda! Này Ānanda, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo sống, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán thân trên thân, hoặc thân sở duyên (*kāyārammaṇo*) khởi lên, hoặc thân nhiệt não (*kāyasmiṃ pariḷāho*), hoặc tâm thụ động, hoặc tâm phân tán, hướng ngoại (*bahiddhā vā cittaṃ vikkhipati*); do vậy, này Ānanda, Tỷ-kheo cần phải hướng tâm đến một tướng tịnh tín (*pasādanīye nimitte*).[16] Do vị ấy hướng tâm đến một tướng tịnh tín, hân hoan (*pāmojjaṃ*: thắng hỷ) sanh. Người có tâm hân hoan, hỷ sanh. Người có tâm hỷ, thân được khinh an. Người có tâm khinh an, lạc thọ sanh. Người có tâm lạc thọ, tâm được định tĩnh. Vị ấy tư sát như sau: "Mục đích mà ta hướng tâm đến, mục đích ấy đã đạt được. Nay ta rút lui [khỏi đối tượng tướng tịnh tín]." Vị ấy rút lui, không tầm không tứ. Vị ấy rõ biết: "Không tầm không tứ, nội tâm chánh niệm, ta được an lạc."

Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo sống, quán thọ trên các thọ... sống, quán tâm trên tâm...

Vị ấy sống, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, hoặc thân sở duyên khởi lên, hoặc thân nhiệt não, hoặc tâm thụ động, hoặc tâm phân tán, hướng ngoại; do vậy, này Ānanda, Tỷ-kheo cần phải hướng tâm đến một tướng tịnh tín. Do vị ấy hướng tâm đến một tướng tịnh tín, hân hoan sanh. Người có tâm hân hoan, hỷ sanh. Người có tâm hỷ, thân được khinh an. Người có thân khinh an, lạc thọ sanh. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Vị ấy tư sát như sau: "Mục đích mà ta hướng tâm đến, mục đích ấy đã đạt được. Nay ta rút lui [khỏi đối tượng tướng tịnh tín]." Vị ấy rút lui,[17] không tầm không tứ. Vị ấy rõ biết: "Không tầm không tứ, nội tâm chánh niệm, ta được an lạc."

Như vậy, này Ānanda, là sự tu tập về hướng tâm.

Và này Ānanda, thế nào là sự tu tập không có hướng tâm?

Này Ānanda, Tỷ-kheo với tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại." Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước, hay cái gì ở sau (*pacchāpure*), nhưng được giải thoát, không có hướng tâm." Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc."

Này Ānanda, Tỷ-kheo với tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không

[16] *SA*. III. 205: Như đức Phật.

[17] *Paṭisaṃharāmi. SA*. III. 205 giải thích không chú tâm trên tịnh tướng mà chú tâm vào đối tượng chính ban đầu (*mūlakammatthāna*).

hướng ngoại." Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước, hay cái gì ở sau,[18] nhưng được giải thoát, không có hướng tâm." Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc."

Này Ānanda, Tỷ-kheo với tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại." Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước... Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc."

Này Ānanda, Tỷ-kheo với tâm không hướng ngoại... Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc."

Như vậy, này Ānanda, là tu tập không có hướng tâm.

Như vậy, này Ānanda, Ta thuyết tu tập có hướng tâm, Ta thuyết tu tập không có hướng tâm. Những gì, này Ānanda, một bậc Đạo sư cần phải làm vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đối với các đệ tử, vì lòng từ mẫn khởi lên, những việc ấy, Ta đã làm cho các ông. Này Ānanda, đây là những gốc cây, đây là những ngôi nhà trống. Hãy tu thiền, này Ānanda! Chớ có phóng dật, chớ có hối hận về sau! Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

[18] *Pure*: Ban đầu, chỉ cho việc chuyên tâm thực tập. *Pacchā*: Về sau, chỉ cho quả vị A-la-hán.

II. PHẨM NĀḶANDĀ
(*NĀḶANDAVAGGA*)

I. KINH ĐẠI NHÂN (*Mahāpurisasutta*)[19] (*S.* V. 158)

377. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn... Ngồi một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– "Đại nhân, Đại nhân", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là Đại nhân?

– Với tâm giải thoát, này Sāriputta, Ta gọi là Đại nhân. Không có tâm giải thoát, Ta không gọi là Đại nhân. Và này Sāriputta, thế nào là tâm giải thoát?

Ở đây, này Sāriputta, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Khi vị ấy trú, quán thân trên thân, tâm được ly tham, được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Khi vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, tâm được ly tham, được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Như vậy, này Sāriputta, là tâm giải thoát. Với tâm giải thoát, này Sāriputta, Ta gọi là Đại nhân. Không có tâm giải thoát, Ta không gọi là Đại nhân.

II. KINH NĀḶANDĀ (*Nāḷandasutta*)[20] (*S.* V. 159)

378. Một thời, Thế Tôn trú ở Nāḷandā,[21] tại rừng Pāvārikamba.

Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn... Ngồi một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Như vậy, bạch Thế Tôn, là lòng tịnh tín của con đối với Thế Tôn. Không thể đã có, không thể sẽ có, không thể hiện có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác, có thể vĩ đại hơn, thắng trí hơn Thế Tôn về Chánh giác.

– Thật là đại ngôn (*uḷāra*), này Sāriputta, là lời tuyên bố như con Ngưu vương này của ông, lời tuyên bố một chiều, tiếng rống của con sư tử: "Như vậy là lòng tịnh tín của con đối với Thế Tôn. Không thể đã có, không thể sẽ có,

[19] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.614. 0172a08).
[20] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.498. 0130c07); *Tự hoan hỷ kinh* 自歡喜經 (*T.*01. 0001.18. 0076b24).
[21] Xem *D.* II. 81.

không thể hiện có một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào khác, có thể vĩ đại hơn, thắng trí hơn Thế Tôn về Chánh giác."

Này Sāriputta, đối với các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, tất cả các vị Thế Tôn ấy, ông có thể biết rõ tâm niệm với tâm của ông rằng: "Các bậc Thế Tôn ấy đã có giới đức như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy đã có pháp như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy đã có tuệ như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy đã có hạnh trú như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy đã giải thoát như vậy" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này Sāriputta, đối với các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời vị lai, tất cả các vị Thế Tôn ấy, ông có thể biết rõ tâm niệm với tâm của ông rằng: "Các bậc Thế Tôn ấy sẽ có giới đức như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy sẽ có pháp như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy sẽ có tuệ như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy sẽ có hạnh trú như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy sẽ giải thoát như vậy" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này Sāriputta, đối với các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời hiện tại, tất cả các bậc Thế Tôn ấy, ông có thể biết rõ tâm niệm với tâm của ông rằng: "Các bậc Thế Tôn ấy hiện có giới đức như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy hiện có pháp như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy hiện có tuệ như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy hiện có hạnh trú như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy hiện có giải thoát như vậy" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Và này Sāriputta, ở đây, ông không có chánh trí với tâm của ông biết được tâm của các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác thời quá khứ, vị lai, hiện tại; thời này Sāriputta, do ý nghĩa gì ông lại thốt ra lời đại ngôn, lời tuyên bố như con Ngưu vương, lời tuyên bố một chiều, rống tiếng rống con sư tử của ông rằng: "Như vậy là lòng tịnh tín của con đối với Thế Tôn. Không thể đã có, không thể sẽ có, không thể hiện có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác, có thể vĩ đại hơn, thắng trí hơn Thế Tôn về Chánh giác"?

– Bạch Thế Tôn, con không có chánh trí với tâm của con biết được tâm các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác thời quá khứ, vị lai, hiện tại, nhưng bạch Thế Tôn, con biết được pháp truyền thống (*dhammanvaya*).[22]

Ví như, bạch Thế Tôn, tại một thành ở biên giới[23] với những hào lũy kiên cố, vững chắc, với những thành quách, tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa ra vào. Tại đấy, có một người gác cửa sáng suốt, thông minh, có trí, không cho vào những người lạ mặt, chỉ cho vào những người quen mặt. Trong khi người ấy đi tuần đến con đường xung quanh thành trì ấy để xem, không thấy có một khe hở ở tường nào, hay lỗ hổng ở tường nào, cho đến một con mèo có thể lọt qua được. Và người ấy suy nghĩ rằng: "Có những sinh loại thô lớn nào đi vào

[22] *Dhammanvayo vidito. SA*. III. 210: Trí do suy luận mà đạt được (*anumānañāṇaṃ*).
[23] Xem *D*. II. 83.

hay đi ra ngôi thành này, tất cả phải đi vào hay đi ra cửa này." Như vậy, bạch Thế Tôn, là pháp truyền thống mà con được biết.

Bạch Thế Tôn, phàm có những bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nào trong thời quá khứ, tất cả bậc Thế Tôn ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, sau khi khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, sau khi như thật tu tập bảy giác chi, đã chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch Thế Tôn, phàm có những bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nào trong thời vị lai, tất cả các bậc Thế Tôn ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái, các pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, sau khi khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, sau khi như thật tu tập bảy giác chi, sẽ chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Còn Thế Tôn, bạch Thế Tôn, là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, sau khi khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, sau khi như thật tu tập bảy giác chi, chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Ông hãy luôn luôn thuyết pháp thoại này cho các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ. Này Sāriputta, nếu có những người ngu si nào còn có những nghi ngờ, hay những do dự đối với Như Lai, sau khi nghe pháp thoại này, sự nghi ngờ, do dự ấy của họ đối với Như Lai sẽ trừ diệt.

III. KINH CUNDA (*Cundasutta*)[24] (*S.* V. 161)

379. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Thắng Lâm, khu vườn của ông Cấp Cô Độc.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta trú ở Magadha, tại làng Nāla, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Và Sa-di Cunda là thị giả của Tôn giả Sāriputta.

Tôn giả nhập Niết-bàn vì bệnh ấy.

Rồi Sa-di Cunda cầm lấy y bát của Tôn giả Sāriputta đi đến Sāvatthi, Thắng Lâm, tại khu vườn của ông Cấp Cô Độc, đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ānanda, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Sa-di Cunda nói với Tôn giả Ānanda:

– Bạch Thượng tọa, Tôn giả Sāriputta đã mệnh chung. Đây là y bát của vị ấy.[25]

– Này Hiền giả Cunda, đây là lý do[26] để đến yết kiến Thế Tôn. Này Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, chúng ta hãy báo tin này cho Thế Tôn.

– Thưa vâng, Thượng tọa.

Sa-di Cunda vâng đáp Tôn giả Ānanda.

---

[24] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.638. 0176b28); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.26.9. 0639a12).

[25] *SA.* III. 221 viết *idaṃ dhātuparissāvana*, tức là cái đãy có đựng Xá-lợi của Tôn giả Sāriputta.

[26] *SA.* III. 221: *Kathāpābhataṃ = Kathāmūlaṃ*, nghĩa là chủ đề cuộc nói chuyện.

Rồi Tôn giả Ānanda và Sa-di Cunda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Sa-di Cunda này thưa như sau: "Bạch Thượng tọa, Tôn giả Sāriputta đã mệnh chung. Đây là y và bát của vị ấy." Bạch Thế Tôn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy [bàng hoàng] (*madhurakajāto*). Các phương hướng không hiện ra rõ ràng đối với con. Pháp sẽ không được giảng cho con, khi con nghe tin Tôn giả Sāriputta đã mệnh chung.

– Này Ānanda, Sāriputta có đem theo giới uẩn khi mệnh chung; có đem theo định uẩn khi mệnh chung; có đem theo tuệ uẩn khi mệnh chung; có đem theo giải thoát uẩn khi mệnh chung; có đem theo giải thoát tri kiến uẩn khi mệnh chung không?

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Sāriputta không đem theo giới uẩn khi mệnh chung, không đem theo định uẩn khi mệnh chung, không đem theo tuệ uẩn khi mệnh chung, không đem theo giải thoát uẩn khi mệnh chung, không đem theo giải thoát tri kiến uẩn khi mệnh chung. Nhưng bạch Thế Tôn, Tôn giả Sāriputta là vị giáo giới cho con, là vị đã vượt qua [bộc lưu],[27] là bậc Giáo thọ; là vị khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ; là vị thuyết pháp không biết mệt mỏi; là vị hộ trì cho các đồng Phạm hạnh. Chúng con đều ức niệm rằng, Tôn giả Sāriputta là tinh ba của pháp (*dhammojaṃ*), là tài sản của pháp (*dhammabhogaṃ*), là hộ trì của pháp.

– Này Ānanda, có phải trước đây Ta đã từng tuyên bố với ông rằng mọi pháp khả ái, khả ý đều có tánh chất khác biệt, có tánh chất ly tán, có tánh chất đổi khác? Làm sao, này Ānanda, ở đây, lời ước nguyện này có thể thành tựu được: "Mong rằng cái gì được sanh, được thành, là pháp hữu vi, là pháp bị diệt hoại, lại có thể không bị diệt hoại"? Sự kiện như vậy không xảy ra.

Ví như, này Ānanda, từ một cây lớn mọc thẳng, có lõi cây, một cành cây lớn bị gãy đổ. Cũng vậy, này Ānanda, từ nơi chúng Tỷ-kheo đứng thẳng, có lõi cây, Sāriputta bị mệnh chung. Làm sao, này Ānanda, ở đây, lời ước nguyện này có thể thành tựu được: "Mong rằng cái gì được sanh, được thành, là pháp hữu vi, là pháp bị diệt hoại, lại có thể không bị diệt hoại"? Sự kiện như vậy không xảy ra.

Do vậy, này Ānanda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một điều gì khác. Này Ānanda, thế nào là Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán

[27] *UdA*. 23: *Otiṇṇavatthukaṃ puggalaṃ*, nghĩa là người đến được chỗ đất cứng chắc.

tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này Ānanda, Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác.

Này Ānanda, những ai hiện nay, hay sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác; những vị ấy, này Ānanda, là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.

IV. KINH UKKACELA (*Ukkacelasutta*)[28] (*S.* V. 163)

380. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Vajjī, tại Ukkacela, trên bờ sông Hằng, với đại chúng Tỷ-kheo, sau khi Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Moggallāna mệnh chung không bao lâu.[29]

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, xung quanh có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn, sau khi nhìn quanh chúng Tỷ-kheo im lặng, liền nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, chúng này của Ta được xem hình như trống không. Nay Sāriputta và Moggallāna đã mệnh chung, này các Tỷ-kheo, chúng của Ta thành trống không. Phương hướng nào Sāriputta và Moggallāna trú, phương hướng ấy không còn có ước vọng gì (*anapekkho*).

Này các Tỷ-kheo, các bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, các vị Thế Tôn ấy đã có một cặp đệ tử tối thắng như Ta có Sāriputta và Moggallāna. Này các Tỷ-kheo, các bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nào trong đời vị lai, những bậc Thế Tôn ấy sẽ có một cặp đệ tử tối thắng như Ta có Sāriputta và Moggallāna.

Thật là vi diệu thay về các đệ tử, này các Tỷ-kheo! Thật hy hữu thay về các đệ tử, này các Tỷ-kheo! Họ thực hành những lời dạy của đức Bổn sư. Họ làm trách nhiệm giáo giới. Họ được bốn chúng ái kính, khả ý, khả kính, quý mến. Thật vi diệu thay, này các Tỷ-kheo, về Như Lai! Thật hy hữu thay, này các Tỷ-kheo, về Như Lai! Trong khi cặp đệ tử như vậy mệnh chung, Như Lai không có sầu buồn, hay không có than khóc. Làm sao, này Ānanda, lời ước nguyện này có thể thành tựu được: "Mong sao cái gì được sanh, được thành, là pháp hữu vi, là pháp bị diệt hoại, lại có thể không bị diệt hoại"? Sự kiện như vậy không xảy ra.

Ví như, này các Tỷ-kheo, từ một cây lớn mọc thẳng, có lõi cây, những cành cây lớn hơn bị gãy đổ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, từ nơi đại chúng Tỷ-kheo

[28] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.639. 0177a15).

[29] *SA.* III. 225 viết Tôn giả Sāriputta viên tịch vào ngày rằm tháng Kattikā (tháng 10-11 dương lịch). Tôn giả Moggallāna viên tịch sau đó 14 ngày.

đứng thẳng, có lõi cây, Sāriputta và Moggallāna bị mệnh chung. Làm sao, này các Tỷ-kheo, ở đây, lời ước nguyện này có thể thành tựu được: "Mong sao cái gì được sanh, được thành, là pháp hữu vi, là pháp bị diệt hoại, lại có thể không bị diệt hoại"? Sự kiện như vậy không thể xảy ra.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình... (như kinh trên).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... không nương tựa một ai khác.

Này các Tỷ-kheo, những ai hiện nay, hay sau khi Ta diệt độ... nếu những vị ấy thiết tha học hỏi.

V. KINH BĀHIYA (*Bāhiyasutta*)[30] (*S.* V. 165)

381. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Tôn giả Bāhiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến... Ngồi một bên, Tôn giả Bāhiya bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con! Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Như vậy, này Bāhiya, hãy làm cho thanh tịnh các pháp căn bản[31] trong các thiện pháp. Thế nào là các pháp căn bản trong các thiện pháp? Giới khéo thanh tịnh và tri kiến chánh trực.

Và này Bāhiya, khi nào ông có giới khéo thanh tịnh và tri kiến chánh trực; rồi này Bāhiya, y cứ vào giới, an trú vào giới, ông hãy tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Bāhiya, ông hãy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; hãy trú, quán thọ trên các thọ... hãy trú, quán tâm trên tâm... hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Khi nào, này Bāhiya, y cứ vào giới, an trú vào giới, ông hãy tu tập bốn niệm xứ này. Do vậy, này Bāhiya, ban đêm hay ban ngày, chờ đợi là các thiện pháp tăng trưởng, không phải tổn giảm.

Rồi Tôn giả Bāhiya hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Tôn giả Bāhiya sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh; ngay trong hiện tại, vị ấy tự mình chứng ngộ với chánh trí, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

---

[30] Còn được viết là Bāhika. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.625. 0175a17).

[31] Xem *S.* V. 143; *Pss. Breth.* 35.

Rồi Tôn giả Bāhiya trở thành một vị A-la-hán nữa.

VI. KINH UTTIYA (*Uttiyasutta*)[32] (*S.* V. 166)

382. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Tôn giả Uttiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến...

... Do vậy, này Uttiya, ông sẽ vượt khỏi giới vức của tử ma...

Rồi Tôn giả Uttiya trở thành một vị A-la-hán nữa.

VII. KINH BẬC THÁNH (*Ariyasutta*)[33] (*S.* V. 166)

383. Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này được tu tập, được làm cho sung mãn, là những Thánh dẫn đạo, dắt dẫn những ai thực hành theo, đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này được tu tập, được làm cho sung mãn, là những Thánh dẫn đạo, dắt dẫn những ai thực hành theo, đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau.

VIII. KINH PHẠM THIÊN (*Brahmasutta*)[34] (*S.* V. 167)

384. Một thời, Thế Tôn trú ở Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, tại cây bàng Ajapāla sau khi mới giác ngộ.

Trong khi Thế Tôn độc cư thiền tịnh, tâm niệm tư tưởng như sau được khởi lên: "Đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ đau, chứng đạt chánh lý (*ñāya*), chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ." Thế nào là bốn?

– Này Tỷ-kheo, hãy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ở đời. Đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ.

Rồi Phạm thiên Sahampati với tâm của mình biết được tâm ý Thế Tôn, ví như nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, vị ấy biến mất ở Phạm thiên giới, hiện ra trước mặt Thế Tôn. Rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

---

[32] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.624. 0174c21).
[33] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.634. 0176a02).
[34] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1188. 0322a07).

– Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Tỷ-kheo trú, quán thọ trên các cảm thọ... Tỷ-kheo trú, quán tâm trên tâm... Tỷ-kheo trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Bạch Thế Tôn, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ.

Phạm thiên Sahampati thuyết như vậy, nói như vậy xong, lại nói thêm:

Thấy con đường độc nhất,
Đưa đến đoạn tận sanh,
Bậc lân mẫn chúng sanh,
Biết được con đường ấy.
Chính với con đường này,
Trước đã từng vượt qua,
Tương lai sẽ vượt qua,
Nay vượt khỏi bộc lưu.

IX. KINH SEDAKA (*Sedakasutta*)[35] (*S.* V. 168)

385. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sumbha, tại Sedaka, một thị trấn của dân chúng Sumbha.

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và bảo:

– Thuở trước, này các Tỷ-kheo, một người nhào lộn với cây tre, sau khi dựng lên một cây tre, liền bảo người đệ tử tên là Medakathālikā:[36]

– Này Medakathālikā, hãy đến, leo lên cây tre và đứng trên vai ta.

– Thưa thầy, vâng.

Này các Tỷ-kheo, đệ tử Medakathālikā vâng đáp người nhào lộn trên cây tre, leo lên cây tre và đứng trên vai của thầy.

Rồi này các Tỷ-kheo, người nhào lộn trên cây tre nói với đệ tử Medakathālikā: "Này Medakathālikā, ông hộ trì cho ta và ta sẽ hộ trì cho ông. Như vậy, chúng ta nhờ che chở cho nhau, nhờ hộ trì cho nhau, trình bày các tiết mục, thâu hoạch được lợi tức và leo xuống cây tre một cách an toàn."

Khi được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, đệ tử Medakathālikā nói với người nhào lộn trên cây tre: "Thưa thầy, không nên như vậy. Thưa thầy, nên như vầy: Thầy nên hộ trì tự ngã thầy và con sẽ hộ trì tự ngã con. Như vậy, chúng ta tự che

[35] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.619. 0173b05).
[36] Nghĩa đen là chảo kho đồ ăn.

chở cho mình, tự hộ trì cho mình, trình bày các tiết mục, thâu hoạch được lợi ích, và leo xuống cây tre một cách an toàn. Đây là chánh lý (*ñāya*) cần phải làm."

Thế Tôn nói:

– Này các Tỷ-kheo, như đệ tử Medakathālikā đã nói với thầy của ông ấy: "Tôi sẽ hộ trì cho mình", tức là niệm xứ cần phải thực hành. Này các Tỷ-kheo: "Chúng ta sẽ hộ trì người khác", tức là niệm xứ cần phải thực hành. Trong khi hộ trì cho mình, này các Tỷ-kheo, là hộ trì người khác. Trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào trong khi hộ trì cho mình, là hộ trì người khác? Chính do sự thực hành (*āsevanāya*), do sự tu tập (*bhāvanāya*), do sự làm cho sung mãn.[37] Như vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi hộ trì cho mình, là hộ trì người khác.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình? Chính do sự kham nhẫn, do sự vô hại, do lòng từ, do lòng ai mẫn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình.

Này các Tỷ-kheo: "Tôi sẽ hộ trì cho mình", tức là niệm xứ cần phải thực hành. Này các Tỷ-kheo: "Tôi sẽ hộ trì người khác", tức là niệm xứ cần phải thực hành. Trong khi hộ trì cho mình, này các Tỷ-kheo, là hộ trì người khác. Trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình.

X. KINH CÔ GÁI HOA HẬU CỦA QUỐC ĐỘ
(*Janapadakalyāṇīsutta*)[38] (*S.* V. 169)

386. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sumbha, tại một thị trấn của dân chúng Sumbha tên là Sedaka.

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

– Ví như một số đông quần chúng, này các Tỷ-kheo, tụ họp lại và nói: "Cô gái hoa hậu của quốc độ. Cô gái hoa hậu của quốc độ!" Và người con gái hoa hậu quốc độ ấy với tất cả sự quyến rũ của mình, múa cho họ xem; với tất cả sự quyến rũ của mình, hát cho họ nghe. Và một số quần chúng còn đông hơn tụ họp lại và nói: "Cô gái hoa hậu của quốc độ múa và hát." Rồi một người đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, họ nói với người ấy như sau: "Này ông, hãy xem đây. Đây là cái bát đầy dầu. Ông hãy mang bát dầu ấy và đi vòng quanh đám quần chúng lớn và người con gái hoa hậu của quốc độ. Và một người với cây kiếm giơ cao sẽ đi theo sau lưng ông. Tại chỗ nào làm đổ một ít dầu, tại chỗ ấy, đầu ông bị rơi xuống." Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, người ấy có thể không tác ý đến bát dầu, phóng tâm hướng ngoại không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

---

[37] *SA.* III. 227: Đời sống tu tập nghiêm túc, tinh tấn đã đưa vị ấy thành tựu quả vị A-la-hán, khiến mọi người tôn kính, noi gương tu tập theo và nhờ vậy cũng được sinh vào các cõi trời.

[38] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.623. 0174b15).

– Ví dụ này, này các Tỷ-kheo, Ta nói ra để nêu rõ ý nghĩa. Và đây là ý nghĩa của nó. Này các Tỷ-kheo, cái bát đầy dầu là đồng nghĩa với thân hành niệm.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

III. PHẨM GIỚI TRÚ
(*SĪLAṬṬHITIVAGGA*)

I. KINH GIỚI (*Sīlasutta*)[39] (*S.* V. 171)

387. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Ānanda và Tôn giả Bhadda trú ở Pāṭaliputta, tại khu vườn Kukkuṭa.

Rồi Tôn giả Bhadda, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu... nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Hiền giả Ānanda, những thiện giới này được Thế Tôn nói đến, những thiện giới này vì mục đích gì được Thế Tôn nói đến?

– Lành thay, lành thay! Này Hiền giả Bhadda, hiền thiện là trí tuệ (*ummaggo*) của Hiền giả. Này Hiền giả Bhadda, hiền thiện là biện tài (*paṭibhānaṃ*) của Hiền giả, chí thiện là câu hỏi của Hiền giả. Này Hiền giả Bhadda, có phải như vầy là câu hỏi của Hiền giả: "Này Hiền giả Ānanda, những thiện giới này được Thế Tôn nói đến, những thiện giới này vì mục đích gì được Thế Tôn nói đến" chăng?

– Thưa vâng, Hiền giả.

– Này Hiền giả Bhadda, những thiện giới này được Thế Tôn nói đến, những thiện giới này chính do tu tập bốn niệm xứ đưa lại, như Thế Tôn đã nói. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này Hiền giả Bhadda, những thiện giới này được Thế Tôn nói đến, những thiện giới này chính do tu tập bốn niệm xứ đưa lại, như Thế Tôn đã nói.

II. KINH TỒN TẠI LÂU DÀI (*Ciraṭṭhitisutta*)[40] (*S.* V. 172)

388. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Tôn giả Bhadda nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi một bên:

---

[39] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.628. 0175b12).

[40] Bản tiếng Anh của PTS: *Permanence*, nghĩa là *Thường trú*. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.621. 0173c12).

– Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền giả Ānanda, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài? Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài?

– Lành thay, lành thay, này Hiền giả Bhadda! Hiền thiện thay, này Hiền giả Bhadda, là trí tuệ của Hiền giả! Hiền thiện là biện tài của Hiền giả! Chí thiện là câu hỏi của Hiền giả! Có phải như vầy, này Hiền giả Bhadda, là câu hỏi của Hiền giả: "Này Hiền giả Ānanda, do nhân gì, do duyên gì, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài? Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền giả Ānanda, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài" chăng?

– Thưa vâng, Hiền giả.

– Do bốn niệm xứ không được tu tập, không được làm cho sung mãn, này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không có tồn tại lâu dài. Do bốn niệm xứ được tu tập, được làm cho sung mãn, thưa Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do không tu tập, không làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài.

III. KINH TỔN GIẢM (*Parihānasutta*)[41] (*S.* V. 173)

389. Một thời, Tôn giả Ānanda và Tôn giả Bhadda trú ở Pāṭaliputta, tại khu vườn Kukkuṭa.

Rồi Tôn giả Bhadda, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu... nói với Tôn giả Ānanda:

– Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền giả Ānanda, khiến cho Diệu pháp bị tổn giảm? Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền giả Ānanda, khiến cho Diệu pháp không bị tổn giảm?

(Như kinh trên, chỉ thay đổi câu hỏi và câu trả lời).

IV. KINH THANH TỊNH (*Suddhasutta*)[42] (*S.* V. 173)

390. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này. Thế nào là bốn?

---

[41] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.629. 0175b24).

[42] Xem *S.* I. 165; *KS.* III. 126. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.606. 0171a03).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này.

V. KINH VỊ BÀ-LA-MÔN (*Aññatarabrāhmaṇasutta*) (*S.* V. 174)

391. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Thắng Lâm, khu vườn ông Cấp Cô Độc.

Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, vị Bà-la-môn ấy thưa với Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài? Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài?

(Như kinh 388, với những thay đổi cần thiết)…

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VI. KINH MỘT PHẦN (*Padesasutta*)[43] (*S.* V. 174)

392. Một thời, Tôn giả Sāriputta, Tôn giả Mahāmoggallāna và Tôn giả Anuruddha trú ở Sāketa, tại rừng Kaṇṭakī.

Rồi Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahāmoggallāna, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Sāriputta thưa với Tôn giả Anuruddha:

– "Hữu học, hữu học", thưa Hiền giả Anuruddha, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Anuruddha, là bậc Hữu học?

– Do tu tập một phần bốn niệm xứ, thưa Hiền giả, là bậc Hữu học. Thế nào là bốn?

Ở đây, thưa Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do tu tập một phần bốn niệm xứ này, thưa Hiền giả, là bậc Hữu học.

VII. KINH TOÀN DIỆN (*Samattasutta*) (*S.* V. 175)

393. Nhân duyên như kinh trên.

---

[43] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.627. 0175a28).

– "Vô học, vô học", thưa Hiền giả Anuruddha, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Anuruddha, là bậc Vô học?

– Do tu tập hoàn toàn bốn niệm xứ, thưa Hiền giả, là bậc Vô học. Thế nào là bốn?

(Như kinh trên, chỉ khác đoạn sau: "Do tu tập một cách hoàn toàn bốn niệm xứ này, thưa Hiền giả, là bậc Vô học").

VIII. KINH THẾ GIỚI (*Lokasutta*)[44] (*S.* V. 175)

394. Nhân duyên như kinh trên.

– Do tu tập, do làm cho sung mãn những pháp nào, thưa Hiền giả Anuruddha, đạt được đại thắng trí?

Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ, đạt được đại thắng trí. Thế nào là bốn?

(Như kinh trên, chỉ khác đoạn cuối: "Chính do tu tập, làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, thưa Hiền giả, tôi đạt được đại thắng trí")…

Và thưa Hiền giả, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi thắng tri được ngàn thế giới.

IX. KINH SIRIVAḌḌHA (*Sirivaḍḍhasutta*)[45] (*S.* V. 176)

395. Một thời, Tôn giả Ānanda trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, cư sĩ Sirivaḍḍha bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Rồi gia chủ Sirivaḍḍha bảo một người:

– Hãy đến, này bạn, hãy đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nhân danh ta, cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ānanda và thưa: "Thưa Tôn giả, gia chủ Sirivaḍḍha bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Gia chủ cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ānanda, và thưa như vầy: 'Lành thay, thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Ānanda đi đến trú xứ của gia chủ Sirivaḍḍha vì lòng từ mẫn!'"

– Thưa vâng, gia chủ.

Người ấy vâng đáp gia chủ Sirivaḍḍha, đi đến Tôn giả Ānanda. Sau khi đến, vị ấy đảnh lễ Tôn giả Ānanda và ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, vị ấy thưa với Tôn giả Ānanda:

– Thưa Tôn giả Ānanda, gia chủ Sirivaḍḍha bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Gia chủ cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ānanda và thưa: "Lành thay, thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Ānanda đi đến trú xứ của gia chủ Sirivaḍḍha vì lòng từ mẫn."

Tôn giả Ānanda im lặng nhận lời.

Rồi Tôn giả Ānanda đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của gia chủ Sirivaḍḍha;

---

[44] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.537-538. 0139c16-0140a07).

[45] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1036. 0270b20).

sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda nói với gia chủ Sirivaḍḍha:

– Này gia chủ, gia chủ có thể kham nhẫn được chăng? Gia chủ có thể chịu đựng được chăng? Có phải các khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có dấu hiệu giảm thiểu, không có tăng trưởng?

– Thưa Tôn giả, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Các khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có giảm thiểu; có dấu hiệu tăng trưởng, không có giảm thiểu.

– Vậy này gia chủ, hãy tự học tập như sau: "Tôi sẽ trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Tôi sẽ trú, quán thọ trên các cảm thọ... Tôi sẽ trú, quán tâm trên tâm... Tôi sẽ trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời." Như vậy, này gia chủ, ông cần phải học tập.

– Thưa Tôn giả, bốn niệm xứ này được Thế Tôn thuyết giảng, những pháp ấy có ở trong con, và con hiện thực hành những pháp ấy. Thưa Tôn giả, con trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Con trú, quán thọ trên các cảm thọ... Con trú, quán tâm trên tâm... Con trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Thưa Tôn giả, năm hạ phần kiết sử được Thế Tôn thuyết giảng, con không thấy có một pháp nào mà không được đoạn tận ở nơi con.

– Lợi đắc thay cho ông, này gia chủ! Thật khéo lợi đắc thay cho ông, này gia chủ! Này gia chủ, gia chủ đã tuyên bố về quả Bất lai.

X. KINH MĀNADINNA (*Mānadinnasutta*)[46] (*S.* V. 178)

396. Nhân duyên như kinh trên.

Lúc bấy giờ, gia chủ Mānadinna bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

Rồi gia chủ Mānadinna gọi một người và bảo...

– Dầu cho con phải cảm giác những khổ thọ như vậy, con vẫn trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Thưa Tôn giả, năm hạ phần kiết sử được Thế Tôn thuyết giảng, con không thấy có một pháp nào chưa được đoạn tận nơi con.

– Thật lợi đắc thay, này gia chủ! Thật khéo lợi đắc thay, này gia chủ! Này gia chủ, gia chủ đã tuyên bố về quả Bất lai.[47]

---

[46] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1038. 0270c15).

[47] Đây là chỗ duy nhất trong kinh tạng nói đến một gia chủ chứng được quả Bất lai (thường chỉ nói sau khi mệnh chung mới được chứng quả Bất lai). Xem *D.* II. 92.

IV. PHẨM CHƯA TỪNG ĐƯỢC NGHE (*ANANUSSUTAVAGGA*)

I. KINH CHƯA TỪNG ĐƯỢC NGHE (*Ananussutasutta*) (*S.* V. 178)

397. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– "Quán thân trên thân", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, minh sanh, quang sanh. Quán thân trên thân cần phải tu tập này... Quán thân trên thân đã được tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, minh sanh, quang sanh.

"Quán thọ trên các cảm thọ",...

"Quán tâm trên tâm",...

"Quán pháp trên các pháp", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, minh sanh, quang sanh. Quán pháp trên các pháp cần phải tu tập này... Quán pháp trên các pháp đã được tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, minh sanh, quang sanh.

II. KINH LY THAM (*Virāgasutta*)[48] (*S.* V. 179)

398. Bốn niệm xứ, này các Tỷ-kheo, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Bốn niệm xứ này, này các Tỷ-kheo, nếu tu tập, nếu làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

III. KINH THỐI THẤT (*Viraddhasutta*)[49] (*S.* V. 179)

399. Với những ai, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ bị thối thất,[50] đối với những người ấy, cũng bị thối thất là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

---

[48] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.636. 0176a20).
[49] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.608. 0171a15).
[50] Xem *S.* V. 23.

Với những ai, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này được thực hành, đối với những người ấy, cũng được thực hành là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Đối với những ai, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này bị thối thất, thời cũng thối thất là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Đối với những ai, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này được thực hành, thời cũng được thực hành là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

IV. KINH TU TẬP (*Bhāvitasutta*) (*S.* V. 180)

400. Bốn niệm xứ, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua đến bờ bên kia. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Bốn niệm xứ này, này các Tỷ-kheo, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua đến bờ bên kia.

V. KINH CHÁNH NIỆM (*Satisutta*) (*S.* V. 180)

401. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hãy trú chánh niệm, tỉnh giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo tỉnh giác? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết rõ ràng các cảm thọ khởi lên, biết rõ ràng các cảm thọ an trú, biết rõ ràng các cảm thọ đi đến tiêu mất; biết rõ ràng các tầm khởi lên, biết rõ ràng các tầm an trú, biết rõ ràng các tầm đi đến tiêu mất; biết rõ ràng các tưởng khởi lên, biết rõ ràng các tưởng an trú, biết rõ ràng các tưởng đi đến tiêu mất. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tỉnh giác.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hãy trú chánh niệm, tỉnh giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

VI. KINH CHÁNH TRÍ (*Aññāsutta*) (*S.* V. 181)

402. Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây là bốn niệm xứ.

Do tu tập, làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là một trong hai quả: Ngay trong hiện tại, chứng được Chánh trí; hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn.

VII. KINH ƯỚC MUỐN (*Chandasutta*) (*S.* V. 182)

403. Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do vị ấy trú, quán thân trên thân, ước muốn đối với thân được đoạn diệt. Do ước muốn được đoạn diệt nên chứng ngộ được bất tử.

Vị ấy trú, quán thọ trên các cảm thọ... Do vị ấy trú, quán thọ trên các cảm thọ, ước muốn đối với thọ được đoạn diệt. Do ước muốn được đoạn diệt nên chứng ngộ được bất tử.

Vị ấy trú, quán tâm trên tâm... Do vị ấy trú, quán tâm trên tâm, ước muốn đối với tâm được đoạn diệt. Do ước muốn được đoạn diệt nên chứng ngộ được bất tử.

Vị ấy trú, quán pháp trên các pháp... Do vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, ước muốn đối với các pháp được đoạn diệt. Do ước muốn được đoạn diệt nên chứng ngộ được bất tử.

VIII. KINH LIỄU TRI (*Pariññātasutta*) (*S.* V. 182)

404. Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do vị ấy trú, quán thân trên thân, thân được liễu tri. Do liễu tri thân nên chứng ngộ được bất tử... (Cũng vậy, đối với "thọ", đối với "tâm", đối với "pháp").

IX. KINH TU TẬP (*Bhāvanāsutta*)[51] (*S.* V. 182)

405. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về tu tập bốn niệm xứ. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tu tập bốn niệm xứ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... Tỷ-kheo trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự tu tập bốn niệm xứ này.

X. KINH PHÂN BIỆT (*Vibhaṅgasutta*) (*S.* V. 183)

406. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về niệm xứ, tu tập bốn niệm xứ và đạo lộ đưa đến tu tập bốn niệm xứ. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm xứ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo

[51] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.610. 0171b14).

trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là niệm xứ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tu tập bốn niệm xứ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán tánh tập khởi trên thân; trú, quán tánh đoạn diệt trên thân; trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên các cảm thọ; trú, quán tánh đoạn diệt trên các cảm thọ; trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các cảm thọ... trú, quán tánh tập khởi trên tâm... trú, quán tánh tập khởi trên các pháp; trú, quán tánh đoạn diệt trên các pháp; trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tu tập bốn niệm xứ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo lộ đưa đến sự tu tập bốn niệm xứ? Đây là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo lộ đưa đến tu tập bốn niệm xứ.

V. PHẨM BẤT TỬ (*AMATAVAGGA*)

I. KINH BẤT TỬ (*Amatasutta*)[52] (*S.* V. 184)

407. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, hãy trú với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ. Nhưng các ông chớ có bỏ mất bất tử. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, hãy trú với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ. Nhưng các ông chớ có bỏ mất bất tử.

II. KINH TẬP KHỞI (*Samudayasutta*)[53] (*S.* V. 184)

408. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về sự tập khởi và sự chấm dứt bốn niệm xứ. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự tập khởi của thân? Sự tập khởi của món ăn là sự tập khởi của thân. Sự đoạn diệt các món ăn là sự đoạn diệt của thân.

Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ. Sự đoạn diệt của xúc là sự chấm dứt của thọ.

Sự tập khởi của danh sắc là sự tập khởi của tâm. Sự đoạn diệt của danh sắc là sự chấm dứt của tâm.

Sự tập khởi của tác ý là sự tập khởi của các pháp. Sự đoạn diệt của tác ý là sự chấm dứt của các pháp.

III. KINH CON ĐƯỜNG (*Maggasutta*)[54] (*S.* V. 185)

409. Nhân duyên tại Sāvatthi.

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Một thời, này các Tỷ-kheo, Ta trú ở Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, dưới cây bàng Ajapāla khi vừa mới được giác ngộ.

Này các Tỷ-kheo, trong khi độc cư thiền tịnh, tâm niệm, tư tưởng như sau khởi lên nơi Ta: "Đây là con đường độc nhất khiến chúng sanh được thanh tịnh,

---

[52] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.608. 0171a15).

[53] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.609. 0171a26).

[54] Xem *S.* V. 167; *KS.* V. 147 (kinh 384 ở trước). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1189. 0322a28); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.102. 0410b10).

vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Tỷ-kheo hãy trú, quán thân trên thân... hãy trú, quán thọ trên các thọ... hãy trú, quán tâm trên tâm... hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Đây là con đường độc nhất khiến chúng sanh được thanh tịnh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ.

Này các Tỷ-kheo, rồi Phạm thiên Sahampati với tâm của mình biết được tâm niệm suy tư của Ta, ví như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, vị ấy biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Ta.

Rồi, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Ta và thưa với Ta: "Như vậy là phải, bạch Thế Tôn. Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ. Đây là con đường độc nhất khiến chúng sanh được thanh tịnh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Bạch Thế Tôn, đây là con đường độc nhất khiến chúng sanh được thanh tịnh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ."

Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati thuyết như vậy, nói vậy xong, lại nói thêm như sau:

Thấy con đường độc nhất,
Đưa đến đoạn tận sanh,
Bậc Đại Từ lân mẫn,
Rõ biết chính con đường.
Chính với con đường này,
Trước đã vượt được qua,
Tương lai sẽ vượt qua,
Và hiện vượt bộc lưu.

IV. KINH CHÁNH NIỆM (*Satisutta*) (*S.* V. 186)

410. Này các Tỷ-kheo, hãy trú chánh niệm. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hãy trú chánh niệm. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

V. KINH ĐỐNG THIỆN (*Kusalarāsisutta*)[55] (*S.* V. 186)

411. Nói đến "đống thiện", này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh phải nói là bốn niệm xứ.

Toàn bộ đống thiện, này các Tỷ-kheo, tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Nói đến "đống thiện", này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh phải nói là bốn niệm xứ này. Toàn bộ đống thiện này, này các Tỷ-kheo, chính là bốn niệm xứ.

VI. KINH SỰ HỘ TRÌ CỦA GIỚI BỔN (*Pātimokkhasaṃvarasutta*)[56] (*S.* V. 187)

412. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến... Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Vậy này Tỷ-kheo, hãy làm cho thanh tịnh căn bản trong các thiện pháp. Thế nào là căn bản trong các thiện pháp?

Ở đây, này Tỷ-kheo, hãy sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ uy nghi chánh hạnh (*ācāragocarasampanna*), thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và thực hành các học giới. Này Tỷ-kheo, sau khi sống, hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và thực hành các học giới rồi, này Tỷ-kheo, y cứ trên giới, an trú trên giới, hãy tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hãy trú, quán thân trên thân... Hãy trú, quán thọ trên các cảm thọ... Hãy trú, quán tâm trên tâm... Hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Khi nào, này Tỷ-kheo, ông y cứ trên giới, an trú trên giới, tu tập bốn niệm xứ; khi ấy, này Tỷ-kheo, hoặc là đêm hay ngày, hãy chờ đợi ở nơi ông sự tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải sự tổn giảm.

Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn thuyết...

Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình...

Rồi Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

---

[55] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.611. 0171b24); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.725. 0195b01); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.767. 0200b23). *Kusalarāsi*: Tích thiện, tích lũy thiện. *Kusala* (thiện) + *rāsi* (tích lũy, tích tụ).

[56] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.637. 0176b20).

VII. KINH ÁC HÀNH (*Duccaritasutta*)[57] (*S.* V. 188)

413. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

– Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Vậy, này Tỷ-kheo, ông hãy làm cho thanh tịnh những căn bản trong các thiện pháp. Và thế nào là căn bản trong các thiện pháp?

Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi đoạn tận thân ác hành, hãy tu tập thân thiện hành. Sau khi đoạn tận khẩu ác hành, hãy tu tập khẩu thiện hành. Sau khi đoạn tận ý ác hành, hãy tu tập ý thiện hành. Rồi này Tỷ-kheo, y cứ vào giới, an trú vào giới, ông hãy tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Tỷ-kheo, ông hãy trú, quán thân trên thân... Ông hãy trú, quán thọ trên các cảm thọ... Ông hãy trú, quán tâm trên tâm... Ông hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Này Tỷ-kheo, sau khi y cứ trên giới, an trú trên giới, ông tu tập bốn niệm xứ này như vậy; thời này Tỷ-kheo, hoặc là đêm hay ngày, hãy chờ đợi ở nơi ông sự tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải sự tổn giảm.

... (Như kinh trên).

Rồi Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

VIII. KINH THÂN HỮU (*Mittasutta*) (*S.* V. 189)

414. Này các Tỷ-kheo, những ai mà các ông có lòng lân mẫn, những ai mà các ông nghĩ rằng cần phải nghe theo, các bạn bè, hay thân hữu, hay bà con, hay huyết thống; này các Tỷ-kheo, các ông cần phải khích lệ các người ấy, hướng dẫn, an trú các người ấy trong sự tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, những ai mà các ông có lòng lân mẫn, những ai mà các ông nghĩ rằng cần phải nghe theo, các bạn bè, hay thân hữu, hay bà con huyết thống; này các Tỷ-kheo, các ông cần phải khích lệ các người ấy, hướng dẫn, an trú các người ấy trong sự tu tập bốn niệm xứ.

IX. KINH CÁC CẢM THỌ (*Vedanāsutta*) (*S.* V. 189)

415. Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, đây là ba thọ.

Vì muốn liễu tri ba thọ này, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

---

[57] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.615. 0172a26).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Chính để liễu tri ba thọ này, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này cần phải tu tập.

X. KINH CÁC LẬU HOẶC (*Āsavasutta*) (S. V. 189)

416. Có ba lậu hoặc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Này các Tỷ-kheo, đây là ba lậu hoặc.

Chính để đoạn tận ba lậu hoặc này, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Chính để đoạn tận ba lậu hoặc này, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này cần phải được tu tập.

VI. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (*GAṄGĀPEYYĀLAVAGGA*)

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH SÔNG HẰNG (*Gaṅgānadīādisuttadvādasaka*) (*S.* V. 190)

417-428. Ví như sông Hằng, này các Tỷ-kheo, thiên về phương Đông, hướng về phương Đông... Cũng vậy, Tỷ-kheo tu tập bốn niệm xứ... xuôi về Niết-bàn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo... Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp... Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo... xuôi về Niết-bàn.

(Tóm tắt các đề kinh).

(Sáu hướng về phương Đông và sáu hướng về biển. Hai lần sáu thành mười hai và mục này được gọi như vậy. Các kinh được thuyết rộng về bốn niệm xứ như các kinh trước).

VII. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (*APPAMĀDAVAGGA*)

I-X. KINH 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH NHƯ LAI (*Tathāgatādisuttadasaka*) (*S.* V. 191)

429-438. Này các Tỷ-kheo, cũng như đối với các loài hữu tình không chân, hay có hai chân, hay có bốn chân, hay có nhiều chân...

(Như các kinh: "Như Lai", "Dấu chân", "Chóp mái", "Rễ hương", "Lõi hương", "Hạ Sanh hoa", "Vua", "Mặt trăng", "Mặt trời", "Vải", tất cả là mười kinh, được thuyết rộng theo bốn niệm xứ).

VIII. PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH (*BALAKARAṆĪYAVAGGA*)

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH SỨC LỰC (*Balādisuttadvādasaka*) (*S.* V. 191)

439-450. Này các Tỷ-kheo, ví như các hành động cần phải dùng sức mạnh...

(Như các kinh: "Sức lực", "Các hạt giống", "Con rắn", "Cây", "Cái ghè", "Râu lúa mì", "Hư không", "Mây mưa 1", "Mây mưa 2", "Chiếc thuyền", "Các khách", "Con sông").

IX. PHẨM TẦM CẦU (*ESANĀVAGGA*)

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH TẦM CẦU (*Esanādisuttadasaka*) (*S.* V. 192)

451-460. Có ba sự tầm cầu, này các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Tầm cầu dục, tầm cầu hữu, tầm cầu Phạm hạnh...

(Như các kinh: "Tầm cầu", "Kiêu mạn", "Lậu hoặc", "Hữu", "Khổ tánh", "Hoang vu", "Cấu nhiễm", "Dao động", "Thọ", "Khát ái").

X. PHẨM BỘC LƯU (*OGHAVAGGA*)

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH THƯỢNG PHẦN KIẾT SỬ (*Uddhambhāgiyādisuttadasaka*) (*S.* V. 192)

461-470. Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Này các Tỷ-kheo, những pháp này là năm thượng phần kiết sử.

Này các Tỷ-kheo, với mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bốn niệm xứ cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, với mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bốn niệm xứ này phải tu tập.

(Tương tự cho các kinh: "Bộc lưu", "Ách phược", "Chấp thủ", "Hệ phược", "Tùy miên", "Dục công đức", "Triền cái", "Thủ uẩn", "Hạ phần kiết sử").